

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 27/4/2021

V/v: *Tranh chấp Ly hôn và nuôi
con*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Đình Thọ; bà Nguyễn Thị Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2020, về việc “ Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/202, ngày 08/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Trịnh Văn H – sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn Giang S, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

Bị đơn: chị Đinh Thị M - sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn Giang S xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trịnh Văn H trình bày: Anh và chị Đinh Thị M sau chín năm tìm hiểu yêu thương nhau, được sự nhất trí của hai gia đình, anh chị tổ chức cưới vào ngày 23/01/2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Sau khi cưới vợ chồng ở chung nhà với bố mẹ đẻ của anh, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc và đã có 02 con chung với nhau, đến năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hòa hợp về tình cảm và chi tiêu kinh tế. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên anh chị sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Ngọc H- sinh ngày 01/01/2009 và cháu Trịnh Bảo V – sinh ngày 06/4/2012. Cả hai cháu hiện nay

đang ở với anh và ông bà nội. Các cháu ở với anh được đảm bảo điều kiện ăn học, nên anh đề nghị được nuôi cả hai cháu đến đủ tuổi thành niên, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đinh Thị M: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Giấy triệu tập cho chị M, nhưng chị M vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Chị chỉ điện thoại, nhắn tin báo là “tôi sẽ về giải quyết” sau đó không về và không cung cấp địa chỉ để liên lạc. Do đó, Tòa án phải tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh đối với người thân của chị Đinh Thị M là bà Phạm Thị D (mẹ đẻ chị M) cho biết: Chị M là con gái của bà, chị M và anh H có thời gian dài tìm hiểu yêu thương nhau, đến năm 2007, thì đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Kết hôn xong vợ chồng về ở chung nhà với bố mẹ anh H và đã có hai con chung, nhưng sau đó vợ chồng mâu thuẫn thế nào bà cũng không biết cụ thể, chị M đi làm ăn thỉnh thoảng mới về thăm nhà và thăm con. Sau khi anh H làm đơn xin ly hôn. Gia đình bà đã nhận được giấy triệu tập và các Thông báo của Tòa án và cam kết giao lại cho chị M, nhưng chị M điện thoại nói với bà là “*con bận công việc không về được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo yêu cầu của anh H*”. Bà cũng đã động viên chị M về giải quyết, nhưng chị vẫn không chịu về. Còn địa chỉ làm việc thì chị M nói với bà là làm nghề tự do không ở một nơi cố định, khi nào cần liên hệ thì điện thoại. Sau khi nhận các thông báo, quyết định của Tòa án bà đã điện thoại cho chị M biết, nhưng chị vẫn không về và không hẹn khi nào về.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, điều 56, điều 57, điều 58 và điều 81, điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho anh Trịnh Văn H ly hôn chị Đinh Thị M.

Về con chung: Giao cháu Trịnh Ngọc H- sinh ngày 01/01/2009 và cháu Trịnh Bảo V – sinh ngày 06/4/2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Anh H không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Trịnh Văn H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn chị Đinh Thị M trú tại: Thôn G, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, con cái được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Chị Đinh Thị M hiện không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc. Kết quả xác minh tại gia đình chị Đinh Thị M và xác minh với trưởng thôn G và thôn D (là nơi bố mẹ chị M sinh sống) và Công an xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa thì chị Đinh Thị M hiện đang có hộ khẩu thường trú tại sổ hộ khẩu của gia đình anh Trịnh Văn H tại thôn G, xã C, chị đi làm ăn nhưng không có địa chỉ cụ thể, thỉnh thoảng vẫn về quê, chị M đi không khai báo cho chính quyền địa phương biết, các khoản đóng góp với địa phương gia đình anh H vẫn thực hiện đầy đủ. Căn cứ vào khoản 3 điều 40; điểm b khoản 2 điều 277 của BLDS năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 - Nghị quyết 04/2017/NQQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn theo hộ khẩu thường trú là thôn Giang Sơn, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Đinh Thị M đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Các thủ tục tố tụng đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227- Bộ luật TTDS. Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử vắng mặt chị M. Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện

và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn H và chị Đinh Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa anh H và chị M phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm không còn, vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu của anh H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51 và điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Trịnh Ngọc H- sinh ngày 01/01/2009 và cháu Trịnh Bảo V – sinh ngày 06/4/2012. Anh H có nguyện vọng được nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con của anh H là chính đáng vì hiện nay cả hai cháu đang ở với anh H, đều có bản tự khai trình bày nguyện vọng được ở với bố. Theo biên bản xác minh với chính quyền địa phương xã C ngày 22/3/2021 phản ánh: Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh Trịnh Văn H và chị Đinh Thị M mâu thuẫn thế nào chính quyền địa phương không biết vì anh chị không đề nghị hòa giải, cháu Trịnh Ngọc H và cháu Trịnh Bảo V đang ở với anh H được đảm bảo điều kiện học tập. Do đó, giao cháu Trịnh Ngọc H và cháu Trịnh Bảo V cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên là phù hợp. Anh H không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản, công nợ chung: Anh H không có yêu cầu, nên không xem xét

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 96; khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238 và Điều 273 - Bộ luật TTDS. Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho cho anh Trịnh Văn H được ly hôn chị Đinh Thị M.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Trịnh Ngọc H- sinh ngày 01/01/2009 và cháu Trịnh Bảo V – sinh ngày 06/4/2012. Giao cả hai cháu H và

Vcho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị M có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết

4. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003420, ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Đinh Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Thanh

